

NHỮNG ĐỒNG NGHIỆP

• ĐHTT



Đạo đó tôi làm việc cho một công ty kỹ sư có vấn đề nhỏ, chỉ có bốn người. Việc lớn, việc nhỏ, đều phải nhúng tay vào làm. Và điều mà tôi không thích là có khi việc dồn dập, làm đến 8 hay 9 giờ tối mới ra khỏi sở, có khi đem việc về nhà thêm ban đêm, cho kịp thời hạn, cho vui lòng thân chủ. Ông chủ công ty thì có khi thức sáng đêm tại văn phòng, cầm cùi công việc, làm bà vợ ông nghi ngờ, thỉnh thoảng ghé lại nhìn rập như đi bắt kẻ gian. Nhiều lúc ế dài ra mà không có việc, thì nhân viên cảm thấy cần cái, ngưng ngưng, và khi này thì lo lắng, nỗi lo âu hiện rõ trên từng nét mặt của mỗi người. Chủ thì lo không có tiền điều hành công ty, thâm vào vốn nhà. Mình thì thấy không yên bụng, không có việc mà lãnh tiền lương của người ta, thì như có cái gì bất ổn trong lương tâm. Công ty bấp bênh như bọt bèo trôi nổi, tiền bạc thu vào không đều, nhiều khi tôi không biết cuối tháng có còn được lãnh lương hay không. Bởi vậy, đang làm việc, mà khi nào cũng chuẩn bị và sẵn sàng hát bản biệt ly. Phải mua báo đọc mỗi ngày tìm kiếm việc mới. Tìm mãi rồi cũng có. Nhân một lần tôi vào trụ sở thành phố để tìm tài liệu kỹ thuật liên hệ đến công trình tôi đang

thiết kế, tôi gặp một cụ già cũng đi tìm tài liệu. Thấy tôi vui vẻ, nói chuyện tiểu lâm, lại giúp cụ chụp vài trang tài liệu cần thiết, ông cụ cho tôi địa chỉ của một công ty khá lớn, họ đang cần kỹ sư Công Chính. Nơi đó, có vài người bạn của cụ đang làm việc. Tôi cũng không tin tưởng lắm, nhưng cứ nạp đơn xem, và quên đi. Không ngờ hai tháng sau, được gọi phỏng vấn, và tôi được nhận vào làm việc. Chồng tôi mừng lắm. Anh quan niệm rằng, công ty lớn, thì ổn định hơn. Mình đã khổ nhiều vì cái bất ổn trong xã hội cộng sản, nay tìm được cái yên bình là quý nhất. Tiền bạc vẫn là cần, nhưng khi biết đủ, thì bao nhiêu cũng đủ cả. Làm sao cho mỗi ngày tâm tư được thanh thản, gác bỏ những âu lo qua một bên, mỗi đêm vào giường mà không mang theo gánh nặng, thì có thể xem mình như một bà tiên nho nhỏ. Tại công ty mới, tôi làm việc mỗi ngày tám tiếng là ra về, gác lại công chuyện sở. Hoàn toàn quên hết việc sở, chỉ nghĩ đến chiều nay nấu món gì ăn ngon, cho chồng con vui thích. Những người làm việc nơi đây, có cái phong thái yên tâm, ổn định hơn, dù không ai chắc mình sẽ làm được bao lâu, và kinh tế, chính trị còn yên lành được bao lâu nữa. Tôi được nhập vào một nhóm năm người, có tôi nữa là sáu. Tôi cứ tạm gọi là lục quái. Vì trong nhóm, mỗi người có mỗi bản sắc riêng, không giống ai.

Ông trưởng nhóm, “Công trình sư” (tạm dịch Project Manager), là một người cao, to, râu ria xồm xoàm. Tên ông là Al, tôi tạm gọi ông Al Cappone cho dễ nhớ, vì tôi có thói quen không nhớ được tên ngoại quốc nhiều. Ông Al có cái dáng dấp của những anh chàng cướp biển Viking thời xa xưa. Nét mặt ông toả ra cái lạnh lùng và vô trí như một xác ướp Ai Cập. Mới nhìn thì ít ai có cảm tình. Giọng nói của ông là một tương phản với thân thể, cái giọng thanh và nhỏ như đàn bà, nói năng lý nhí trong miệng, nửa như e thẹn, nửa như sợ làm mất lòng người nghe. Ông rất chi ly, những hồ sơ kỹ thuật, đi qua ông là không một chi tiết sai sót nhỏ nhặt nào mà qua lọt. Khi ông ngồi làm việc, thì thấy như là đang ngủ gục, hai mắt sụp xuống, toàn

thân bất động. Hồi mới vào, tôi thấy đáng điều đó, tưởng là ông đang ngủ gục, bèn chỉ chỗ ông, và ra dấu cho các đồng nghiệp khác, mà cùng cười. Các ông khác thì cười tôi, vì biết tôi hiểu lầm, tôi thì tưởng họ cười vì chuyện ngủ gục. Như đang mơ ngủ, thế mà ông cũng thấy được, bèn hướng mắt về tôi nói:

“Mày cười gì đó? Này, đừng tưởng tao ngủ gục nghe”.

Tôi hết hồn và nói lảng qua chuyện khác. Trong giờ nghỉ trưa, tôi thấy ông ngồi trên ghế, quẹo đầu, thiếp đi và đôi khi ngáy rất lớn. Có khi nghe ông lầm bầm, không biết có phải ông nói hoảng trong cơn mơ? Với thân thể to lớn như thế, mà đáng ông lẳng dăng, thông dong, muộn phiền. Ít khi thấy một nụ cười đầy nở trên môi. Khi vui lắm, thì hai cái vành môi dưới bộ râu quai nón banh ra méo xeo, xiên lệch. Thỉnh thoảng ông nghỉ phép, hỏi đi đâu, thì ông cho biết lái xe vào rừng sâu, thuê khách sạn, nằm ngủ một mình, tìm về thiên nhiên lẳng động, xa thành phố ồn ào xe cộ.

Sau này, tôi được biết rằng, năm năm trước, một hôm vợ ông đi công tác ở miền nam California, bà gặp lại người tình xưa, thời còn đi học. Hai người xoắn lấy nhau, và thấy như yêu nhau lần đầu. Bà về thú thực cùng ông, yêu cầu ông để bà đi làm lại cuộc đời mới có nhiều sôi động, nhiều hạnh phúc hơn. Ông cố khuyên, nhưng không được. Bà hôn ông, rồi ra đi với một va li nhỏ đựng áo quần, để lại tất cả tài sản cho ông. Người con trai duy nhất, cũng buồn chuyện gia đình ly tán, bỏ dở đại học, qua bên nam Mỹ làm hướng dẫn viên du lịch. Ông Al sống một mình như cái bóng mờ, mất hết sinh thú, mất hết niềm vui. Những người đàn ông hiền lành, khi lớn tuổi, bị đổ vỡ gia đình, thì cứ lúng túng trong cái muộn phiền, thất bại.

Một lần thuận tiện, tôi đưa cho ông Al cuốn sách triết lý Phật giáo viết bằng tiếng Anh. Nói về lẽ vô thường của kiếp người, cái không và cái có, giá trị đích thực của cuộc sống và làm sao rũ bỏ đau phiền, buồn giận. Khi đã coi có cũng như không, không cũng như có, thì không còn gì là khổ đau, là thất vọng. Không biết ông có chịu đọc hay không.

Sau đó, tôi kể một câu chuyện cho cả nhóm nghe, gián tiếp khuyên ông, phải biết làm lại cuộc đời, dứt bỏ hết quá khứ không may, bán nhà, dọn đi nơi khác ở, không phải một lần thất bại là hết, phải

làm sao cho cuộc sống sau này vui hơn cuộc sống trước, sôi động hơn, ý nghĩa hơn, quý báu hơn. Tôi đưa ví dụ của nhiều bạn bè đang sống, nói cho thấm vào ông cái tư tưởng lạc quan, để có đủ can đảm thoát ra cái vũng muộn phiền. Nhưng có lẽ cái đáng hấp dẫn ngoài và bản tính của ông khó thu hút được đối tượng nào mà ông khả dĩ chấp nhận. Nhiều năm sau, ông về hưu, hỏi sau khi về hưu thì làm gì, đi đâu. Ông trả lời là không biết, và không có chương trình nào cả. Mấy năm sau khi về hưu, nghe tin ông qua Nam Mỹ mua nhà sống và có vợ bản xứ trong thành phố của những du khách, nơi có nhiều vợ chồng già dân Mỹ, dân Canada dưỡng lão.

Ông đồng sự có bàn cạnh tôi là ông Bill, một người vui tính. Có tham gia chiến tranh Việt Nam trong đơn vị công binh chiến đấu thời thập niên 60. Sau chiến tranh, về đi học tốt nghiệp kỹ sư. Khi tôi mới vào, ông Bill đón nhận tôi niềm nở như có bà con. Ông còn mặc cảm là người Mỹ tham gia chiến tranh vô tình gây nên bom đạn, chết chóc. Khi tôi nói, nhờ có người Mỹ hỗ trợ, mà miền Nam VN chống đỡ với Cộng sản thêm được nhiều năm, chúng tôi được sống thêm lâu hơn trong chế độ tự do, khỏi phải sống với Cộng sản hà khắc, đau khổ. Chúng tôi biết ơn người Mỹ, biết ơn những chiến sĩ vô danh như ông. Ông mừng lắm, và giải toả được cái mặc cảm ám ảnh từ lâu. Ông Bill mập tròn, phúc phịch, cái bụng ỏng nước lèo, làm cái quần xệ, tuột xuống háng. Ông ở xa sở chừng 60 dặm, mỗi ngày đi xe chuyên chở công cộng. Bốn giờ sáng đã ra khỏi nhà, đổi xe ba bốn lần mới đến thấu sở. Không biết khi về đến nhà thì tối tăm ra sao. Khi có người hỏi tại sao không lái xe cho đỡ nhọc nhằn, thì ông nói, con đường trên lộ trình ông, sáng chiều đều kẹt cứng, đi xe công cộng mau hơn, và có thì giờ ngồi trên xe làm việc khác. Mỗi ngày, ông Bill ôm cái túi xách căng kè, to tướng, đi về, như một người đi du lịch. Không biết ông ta đựng gì mà nhiều thế, mang chi nhiều cho nặng khổ cái thân. Tôi đặt cho ông biệt hiệu là gã tiểu thương. Ông buôn bán đủ thứ lật vật trong sở, mà một anh bạn tôi gọi là “gà què ăn quần cối xay”. Ông luộc trứng gà, để trong bếp sủ, ai muốn mua thì bỏ tiền vào cái đĩa. Ông bán tem sưu tập, bán đồng xu của các nước, bán huy hiệu, huy chương. Cái lò hâm phát sóng của ông, ai muốn dùng thì bỏ 10 xu vào hộp. Năm nào ông cũng làm đầu nậu tổ chức đánh cá thể thao. Từ bóng rổ, bóng

chày vồ, banh chồm hồm. Không biết ông thu được lợi lộc bao nhiêu, nhưng ông thân và quen cả sở, và khi cần việc gì, đi đâu ông cũng được giúp đỡ mau mắn. Ông Bill có hai con, đứa con trai đầu có hai hàm răng không khớp nhau, ông phải cầm cố căn nhà đang ở, để có 40 ngàn chi phí cắt bớt cái xương hàm dưới, cho hàng răng được kê thẳng lên nhau. Cậu con này trả hiếu bằng cách gắng học, khi nào được điểm D là cả nhà mừng lắm, còn bị điểm F là đều đều. Học thì kém, nhưng thân xác thì to cao khổng lồ, nên kiếm được việc làm bán thời gian ở một hộp đêm. Ông Bill khoe với tôi là nó làm “bouncer”. Tôi hỏi bouncer là chức vụ gì, ông cho biết đại khái như an ninh trật tự. Khi nào có khách hàng phá đám, thì xốc họ lên mà ném ra ngoài. Anh chàng này học 6 năm mà chưa tốt nghiệp nổi chương trình hai năm đại học cộng đồng. Nhiều lần ông và vợ ông định tống khứ ông con lười biếng này ra khỏi nhà. Ông hỏi ý kiến tôi. Tôi can, nói là cho nó có cơ hội học, học hoài rồi cũng phải tốt nghiệp, cho nó có một nghề nghiệp sinh sống, đuổi nó ra, nó đói khát tội nghiệp, lỡ nó ra đi theo tụi xì ke ma túy, hư hại đời, hoặc tù tội, thì gia đình còn khổ hơn. Bởi vậy mà 6 năm nó không có chút tiến bộ nào. Cuối cùng, ông cũng tống cổ anh chàng ra khỏi nhà, khi ông mất một số đồng xu cổ sưu tập, ông nghỉ anh chàng là thủ phạm ăn cắp. Một năm sau khi đuổi đứa con ra khỏi nhà, một hôm, ông Bill hớn hỏ khoe tôi: Vừa rồi, thằng con tôi nó về nhà ăn Giáng sinh, nó ôm tôi. Bây giờ nó chứng chạc hơn. Nó cũng vừa đuổi con bồ của nó ra khỏi nhà, vì “con này làm biếng, không chịu đi kiếm việc làm”. Được thằng con hư hỏng ôm một cái, làm ông Bill sướng rân, hạnh phúc tràn trề. Đứa con gái của ông thì học hành giỏi. Cũng nhờ tôi cố vấn cho ông, thuê người dạy kèm khi nó còn bé. Từ học hành bề trể chán nản vì mất căn bản, nó học khá hơn, và có đà, nó chăm học hơn, hăng hái hơn, và trở nên học sinh xuất sắc. Về sau, nó theo học bác sĩ tâm lý trị liệu. Khi nào nhắc đến con bé, là ông nhớ đến lời cố vấn của tôi, và ông tiếc không chăm sóc cho việc học của thằng con trai từ nhỏ.

Cha mẹ ông Bill ly dị từ khi ông mới sinh. Mẹ ông không tái giá, nuôi con. Một mẹ một con có nhau. Cho đến khi ông lập gia đình, vợ và mẹ xung khắc, bà mẹ sống cô đơn nên phải tái giá. Nhưng ông Bill thuộc loại râu quạp, ngại gia đình ồn ào xáo

trộn, nên rất ít khi thăm viếng mẹ. Hai mẹ con cùng ở trong thành phố nhỏ, mà có khi vài năm không gặp nhau. Rồi càng lâu càng ít gặp. Có đôi lần, bà mẹ kêu đến sở nhắn chuyện riêng, không dám kêu đến nhà. Tôi được gặp bà một lần, bà rất dễ thương. Bà nói về ông Bill, như kể chuyện một thằng bé con năm bảy tuổi. Những lúc thuận tiện, tôi gián tiếp nói với ông Bill về tình mẹ con, tấm lòng của những bà mẹ thương con. Rồi khuyên ông, thỉnh thoảng nghỉ phép, đừng cho vợ biết, đi thăm mẹ, đưa bà đi ăn, mua quà tặng bà. Tôi bày ra trò xem tử vi hỏi ngày sinh của mẹ ông Bill, rồi sau đó mỗi năm nhắc nhở ông sinh nhật của mẹ, và thúc hối ông nghỉ phép, đem bà đi ăn. Có khi tôi đưa ông gói chả giò, nói là tôi gửi cho mẹ ông. Nhờ vậy mà mẹ ông Bill được nhiều dịp gặp gỡ con hơn ngày trước. Sau khi mẹ ông qua đời, ông rưng rưng nước mắt mà cảm ơn tôi, nói là nhờ nghe tôi khuyên mà những năm cuối cuộc đời, mẹ ông vui hơn, được an ủi nhiều hơn. Rồi ông khuyên ngược lại là đừng nên ngăn cách tình thương giữa chồng và gia đình chồng, dù cho có những xung khắc nào đi nữa. Tôi cảm ơn ông cho tôi lời khuyên quý báu, nhưng tôi cười thâm, vì điều đó tôi đã biết rõ từ đời Hồng Bàng.

Ngồi trước tôi là ông Cain, trông dáng ông thôi là đã ón. Tóc hớt ngắn như đang học trong quân trường. Đôi mắt có chạy gân màu đỏ, cái miệng quạp xuống, và khi cười thì như nghiêng hai hàm răng với nhau. Ông luôn luôn nhăn nhó, khó chịu, than vãn, trách móc. Có thể nói ông thuộc loại “nắng không ưa, mưa không chịu”. Ông này kỳ thị chủng tộc ra mặt. Ông xem những kỹ sư da màu như thuộc loại thấp kém, không đáng tin cậy. Nhưng ông đâu có giỏi dang gì cho cam. Khi tôi mới vào, ông nhìn tôi bằng con mắt khinh khỉnh, và từ chối kiểm soát những bản tính kỹ thuật của tôi làm. Ông thường hay lớn tiếng với đồng nghiệp, lên giọng dạy bảo và rao báo mỗi khi ông tìm ra được một vài sai sót trong công việc của người khác. Nhiều lúc ông Cain và ông Bill la hét nhau ồn ào, vì ông Bill bị mất mặt phát cáu. Rồi hai ông giận nhau. Thế là ông Cain, như trẻ con, thì thầm nói xấu về ông Bill với người ngồi bên cạnh. Tôi thì tránh tiếp xúc trực tiếp với ông Cain, không tội chi mà mua khó chịu vào thân. Những khi phải kiểm soát các bản tính kỹ thuật do ông Cain tính toán, tôi ngại lắm. Những điểm sai sót được tôi ghi rất nhẹ, rất khiêm tốn. Sai

sốt sờ sờ ra đó, mà tôi cũng chỉ dám ghi đề nghị dùng công thức này, đề nghị thử với hệ số kia. Rồi đưa cho ông mà nói là không có gì sai sót nhiều, chỉ vài điểm nhỏ đề nghị ông xem lại. Ông sửa những sai sót, rồi đưa cho tôi kiểm soát lần cuối, nhìn tôi bằng con mắt cảm tình hơn. Đời sống ông Cain thì không ai hiểu nổi. Nợ nần như Chúa Chổm. Tính tình thì khó khăn, mà gặp ai cũng mượn tiền. Mượn tiền của cả những sinh viên đi thực tập, làm việc bán thời gian trong mùa hè. Mượn tiền cả của những người đi lau chùi quét rác trong sở. Lần đầu tiên, tôi không biết, ông hỏi mượn 100 đồng, tôi mau mắn đi ra ngân hàng rút tiền cho mượn, mấy tháng sau, ông chỉ trả lại cho tôi 20 đồng làm phước. Mấy lần tôi nhắc khéo, ông lơ đi. Thế mà nhiều lần sau, ông cũng hỏi mượn tôi thêm, tôi bảo là chờ lãnh lương, và nhân tiện nhắc nợ cũ, thì ông bảo lãnh lương sẽ thanh toán. Nhưng khi lãnh lương, tôi không dám nhắc, vì sợ nhân đó mà ông hỏi mượn tôi thêm thì khó mà chối từ. Rồi tôi cũng xem số tiền ông nợ như đã mất cho quỷ thần, cho khoẻ trí. Thế mà một trong những người bạn già của ông, thỉnh thoảng cũng dầm dúi đưa tiền cho ông Cain mượn, có lẽ ông cụ kia xem như đem cho bạn. Nhưng khi ông kia muốn xin một liều thuốc, thì phải trả cho ông Cain 25 xu. Thiệt tình, hết nước nói. Không phải ông Cain bị ghiền xì ke ma túy, cũng không phải vì ham mê bài bạc. Chỉ vì ăn tiêu bừa bãi, không tính toán. Ai cũng ngạc nhiên, với số lương đó, có người nuôi cả vợ ở nhà và vài ba con đi học. Ông Cain chỉ sống một mình. Cũng không lạ, ông ly dị vợ từ lâu, và chỉ có một đứa con trai thôi cũng không cấp dưỡng. Món quà lớn nhất mà ông cho nó, là chiếc xe cũ 15 tuổi đã phế thải, mua lại của một đồng nghiệp trong sở. Nhưng ông bị tổ trác, ông phải chi gấp ba số tiền mua xe để sửa lại cho chiếc xe chạy được. Một hôm, ông lấy phép đi chơi xa, trước ngày định nghỉ hai hôm, thì ông đã vắng mặt. Năm hôm sau, có điện thoại kêu vào sở cho biết ông đang nằm bệnh viện, khu cấp cứu. Ông bị tai biến mạch máu não. Ông bị bất tỉnh mà không ai biết, nằm một mình trong phòng ba ngày. Bà hàng xóm thấy xe ông nằm trên bãi đậu, mà không thấy ông, kêu ban điều hành cư xá mở cửa kiểm soát, thấy ông bất tỉnh nằm vất nửa người qua giường. Bà cho biết, ba ngày trước ông có mời bà đi dùng cơm, nhưng đến giờ hẹn không thấy ông

đâu. (Chắc bà này không biết câu thơ của Hồ Dzếnh “Anh cứ hẹn nhưng anh đừng đến nhé”.) Bà có thử đi ngang qua phòng ông xem sao, thì bà nghe có tiếng rên rỉ bên trong, bà tưởng đâu ông đang khoái lạc hú hí với ai đó, nên bà giận bỏ về. Chúng tôi đến thăm ông tại bệnh viện, và cố tìm điện thoại của thân nhân ông để mà thông báo, nhưng không tìm được ai. Ngay cả vợ cũ và con ông cũng không biết ở nơi đâu. Ông Cain nằm bệnh viện một thời gian thì có thể chống nạng đi lại từng quãng ngắn. Một lần khi đang nằm trên giường bệnh, hai hàng nước mắt ông ràn rụa, mếu máo cảm động nói: Hôm kia, thằng con tôi vào thăm, nó nói bố ơi, con thương bố. Rồi ông nhắc lại thêm hai lần nữa, mà nước mắt thì trào ra xối xả. Sau đó, ông về hưu, lương hưu đem về cũng xấp xỉ lương khi đi làm. Thế mà ông vẫn túng thiếu. Ông xin đi làm thêm một tuần hai buổi. Hình như một phần não bộ bị hỏng, ông quên cả những điều căn bản kỹ thuật. Chúng tôi chia cho ông những việc làm thật dễ, làm cho có, rồi chúng tôi sửa lại. Lâu lâu tôi mua cho ông một cái bánh cuốn Mễ (Burritos) ăn trưa, ông mừng như trẻ con được kẹo. Dù cái miệng bị kéo xệch một bên, nói khó khăn, mà ông cũng lú lo vui vẻ. Lần nọ, tôi nghe nói một phu nhân AHCC bị bán thân bất toại, nhờ tập luyện, nên có thể đi được mà không cần nạng. Tôi bảo ông Cain là để tôi thử phép nhiệm màu, chữa bệnh bán thân bất toại cho ông. Nhưng với điều kiện, ông phải tin tưởng tuyệt đối, nếu không, thì không hiệu nghiệm. Có lẽ trong hoàn cảnh tuyệt vọng, ông cũng thử. Tôi bảo ông nhắm mắt lại và cầu nguyện Chúa, rồi tôi đặt bàn tay lên trán ông mà niệm thần chú, lâm râm bằng tiếng Việt “Sự cái ông này, vừa xấu người, vừa xấu tính, già rồi mà còn không biết ăn tiêu cho đúng cách”. Rồi tôi hô lớn, kêu ông đứng dậy, bỏ cái khung nạng ra, bước tới một bước, bước thêm hai bước nữa, ba bước nữa ... Ông loạng quạng run run như em bé tập đi lần đầu, đi không có khung nạng, lần tới được cái bàn cuối tường. Ông la to lên: “Huyền diệu, huyền diệu”. Tôi dạy cho ông một câu thần chú vu vơ bằng tiếng Việt, để tăng cường lòng tin, đọc trước khi tập. Ông đọc lơ lơ, người Việt nghe cũng không hiểu gì, chứ đừng nói đến thần thánh gốc Ấn Độ, gốc Trung Đông. Thỉnh thoảng ông kêu điện thoại đến sở khoe hôm đó đi được bao xa mà không cần vịn khung nạng. Tôi

khen cho ông mừng. Cuối cùng, có người khuyên ông vào viện dưỡng lão, để được chăm sóc chu đáo hơn, ở đó có nhiều bạn bè. Rồi ông qua đời vì uống lạm thuốc, có người nói ông tự vẫn. Khi chúng tôi biết tin thì ông đã mất hơn sáu tháng.

Ngồi trong góc phòng là ông Ed. Tôi đặt cho ông này biệt danh là ẩn sĩ. Bàn của ông kê trong góc, ông ngồi rút trong đó như con cóc ngồi trong hang. Cóc có khi còn nghiêng răng, chứ ông này không bao giờ mở miệng. Không nói chuyện với ai, không cười đùa, không tham gia, như ông giận hờn cả sở này mà tỏ thái độ bất hợp tác. Nhưng ông làm việc chăm chỉ, kỹ lưỡng, mau lẹ. Ông làm việc với năng suất cao, nên như trăm đầu đổ đầu tằm. Bao nhiêu việc khó khăn rắc rối đều dồn cho ông. Ông không phản đối, không kêu than. Im lặng làm việc, cẩn thận như chính làm việc riêng cho ông. Có những việc mà người khác không hoàn tất nổi, bỏ dở, cũng dồn cho ông. Mỗi khi ra vào gặp nhau, có ai chào, thì ông cũng trả lời thều thào như hơi gió để đáp lại. Không nhìn, mà cũng không mỉm cười xã giao với người đối thoại. Cái bàn làm việc của ông ai thấy cũng phải khiếp đảm. Như một đống rác vĩ đại. Phải nói là có gần cả ngàn tờ giấy và bản vẽ chồng chất ngổn ngang lộn xộn. Nơi cao, nơi thấp, nhấp nhô, không có chỗ để đặt tay. Một anh bạn tôi, bàn anh cũng nổi tiếng bừa bãi, thế mà khi thấy cái bàn này thì cũng giật mình, bái phục và biết rằng gặp phải tổ sư. Cái bàn ông bừa bãi vậy, nhưng ông có cái thứ tự riêng trong đầu. Khi ai cần văn thơ nào, bản vẽ nào, thì ông vén mấy sấp giấy lên, và rút ra đúng ngay tờ giấy cần thiết, không phải suy nghĩ, lục lạo, moi tìm. Những người làm chung lâu, biết ý ông, xem cái bàn ông như một loại đất thánh, người ngoại đạo không được mó tay đụng đến.

Một cô sinh viên tập sự mùa hè đầu hiểu vậy, nên một buổi sáng kia, đến sở hơi sớm, chưa biết làm gì, bèn nảy ra ý định giúp ông Ed dọn dẹp cho cái bàn ông có chút thứ tự, người ngoài xem đỡ chướng mắt. Xem bộ cô vui sướng hân hoan, vì đang giúp được người khác điều tốt. Cô hát nho nhỏ. Mới dọn xong một phần nhỏ ở góc bàn, có tiếng ông Ed hốt hoảng từ sau lưng: “Cô tìm cái gì đó? Khoan, khoan”. Cô hớn hờ bảo với ông là đang giúp ông xếp lại cái bàn cho có thứ tự. Ông kêu lên một tiếng thảm não: “Trời ơi, cô giết tôi

rồi”. Và hai tay ôm lấy ngực, với nét mặt đau đớn như có ai bắn xuyên mũi tên độc qua tim. Ông thều thào như sắp chết trời trắng: “Thế là tôi phải mất công xếp lại. Tôi van cô, đừng bao giờ đụng tay vào cái bàn này”. Cô chưng hửng. Định làm ơn, mà mắc oán. Ông Ed còn độc thân, không bạn gái, nhiều ông trong sở trên ông là “còn trai tân”. Có người cho ông là đồng tính luyến ái, nhưng cũng không phải. Có lẽ ông khép kín, ít ngoại giao, nên cả đàn ông lẫn đàn bà không ai cảm thấy vui khi tiếp xúc. Điều người ta biết chắc nhất là ông Ed có nhiều triệu đồng trong tay. Ông chơi trái phiếu, cổ phần (bond, stock) từ mười mấy năm nay. Tôi nghi ông sợ lấy vợ, phải chia của, tiếc, nên đành ở vậy luôn. Thế mà những khi thị trường chứng khoán xuống dốc thê thảm, gọi là ngày thứ hai đen, ông Ed vẫn bình thường, không có một chút buồn, lo, hay bần tán. Có ai hỏi, thì ông cũng chỉ ậm ừ cho qua. Những khi có ai kêu gọi đóng góp, thì ông đóng tiền rất hậu. Tiền bạc nhiều, mà ông không ăn, không tiêu. Mỗi buổi trưa, cạp trái táo, ăn thêm trái chuối, thế rồi thôi. Không trà, không cà phê, không thuốc lá. Ít khi ông tham dự tiệc tùng, đãi đằng trong sở. Khi không tránh được như tiệc tiễn đưa bạn đồng sở về hưu, ông ngồi khuất vào đám đông, ăn uống chút chút. Không nói năng. Tám năm làm chung một nhóm, tôi cũng ít có dịp chuyện trò nhiều với ông. Rồi ông tuyên bố về hưu, mọi người ngạc nhiên, vì không nghe ông chuẩn bị, nói trước. Các bạn trong sở nhao nhao trên hỏi: “Ông về hưu rồi, thì những việc khó khăn, khẩn cấp, rắc rối để cho ai làm đây?”. Ông từ chối tổ chức tiệc tiễn đưa, chúng tôi ép quá, ông chịu đi ăn chung với những người trong nhóm mà thôi.

Khi ông đi rồi, chúng tôi mới khám phá ra ông Ed còn là một thi sĩ, trong hộp bàn ông, ngổn ngang những bản nháp khi ông làm thơ, gạch gạch xóa xóa. Có những văn thơ trao đổi với các toà soạn báo chí. Vài người đem thơ ông ra ngâm nga chế diễu. Tôi không hiểu thơ Mỹ nhiều, nên không biết thơ ông hay dở thế nào. Chỉ nhớ một bài thơ, ông viết, đại khái có câu “Núi rừng có bí mật riêng của chúng. Mỗi người có niềm đau riêng ...”.

Khi ông Ed đã về hưu, không ai biết ông đi đâu, làm gì, ông cũng không hề liên lạc. Nhưng khi ông mất vì tai nạn, chúng tôi được thân nhân ông thông báo, đến nhà thờ làm lễ cầu kinh. Không

thấy quan tài, chỉ có một cái hộp nhỏ đựng tro cốt của ông, đặt bên cạnh là tấm ảnh bán thân. Người trong ảnh cũng có nét lặng lẽ, trầm buồn, không có một nét vui nào trên đôi mắt, trên nét mặt. Mọi người cúi đầu đi qua, mỗi người nói câu vĩnh biệt. Tôi đến, thì thầm: “Núi rừng có bí mật riêng của chúng. Mỗi người có niềm đau riêng”. Không biết ông Ed đau riêng nỗi gì, người khác mà ở hoàn cảnh ông thì đã có một cuộc đời sung sướng hạnh phúc. Có sức khoẻ, có kinh nghiệm nghề nghiệp, có sự chăm chỉ, tài hoa, và giàu bạc triệu. Không ăn, không tiêu, không xài tiền, thế thì làm cho nhiều tiền làm chi, chết để cho ai tiêu, ai phung phí?

Người cuối cùng trong nhóm tôi là ông Mark. Khi tôi mới vào làm ông Mark khoảng năm mươi tuổi. Ông này lúc nào cũng chải chuốt, ăn mặc đàng hoàng thẳng thắn như sắp đi ăn cưới. Dáng người hồng hào khoẻ mạnh. Thích ăn ngon, lúc nào cũng thấy ông ăn. Cái học tử ông như một tiệm چاپ phở thực phẩm. Ai thiếu muối, tiêu, xì dầu, bánh khô, thuốc đau đầu, đau bụng, hỏi ông, thì có ngay. Cạnh bàn ông là cái lò nước bốc khói nghi ngút như hàng phở gánh. Ông uống các loại trà lạ lùng, như trà sả, trà cà ri trộn sữa chua và gia vị. Các thứ cà phê của ông thuộc loại nhập cảng, hảo hạng. Phô ma cũng thứ đặc biệt của Âu Châu. Mỗi ông bạn thường nói, nếu cả sở này có cháy, thì không cần điều tra cũng biết ông Mark là kẻ gây hoả hoạn. Hầu như ngày nào cũng thấy ông ăn một miếng thịt bò to bằng bàn tay, còn màu hồng trông rất ngọt thịt với vài ba cọng rau, củ khoai tây nướng. Ăn mãi mà không biết ngán. Tính ông vui vẻ, hát hồng suốt ngày, khi nào cũng ư ử trong cổ họng những bài hát thời thượng. Những khi mệt nhọc và có chuyện bức mình, thấy ông lặng xặng hát hồng yêu đời, thì tôi cũng tự hỏi mình rằng, việc chi mà phải phiền muộn lo âu, cứ như ông Mark thì có hơn không. Và tôi thấy mình vui vẻ trở lại. Lo âu bức bối cũng nhẹ đi nhiều phần. Ông Mark như vậy đó, đáng đáp thì mau mắn lạng xặng, nhưng khi làm việc thì chậm như múa “Taichi”. Ai giao công việc cho ông cũng bức mình, nhưng không ai giận ông được. Vì khi giao thì ông vui vẻ chấp nhận, nhìn cái mặt rạng rỡ hân hoan của ông khi đưa tay nhận việc, thì người đưa việc hy vọng tràn trề. Nhưng rồi thấy cái lối làm việc múa “tài chi” thì chán ngán. Có ai giao thêm việc khác,

ông cũng nhận ngay, không đủ khả năng, không đủ thì giờ làm cũng vui vẻ nhận. Rồi ca hát, rồi ăn uống, rồi nói chuyện khôi hài. Có ông, mọi người chung quanh như yêu đời hơn, như giảm được cái căng thẳng, cái sức ép của một xã hội kỹ nghệ chạy đua theo đồng hồ. Chỉ có ông Cain thỉnh thoảng bảo: “Mày đừng hát cái bản nhạc đó nữa được không? Tao nghe đã mấy ngày rồi, đêm về còn nằm mơ”. Ông Mark chỉ cười xuề xòa, hát qua bản khác, rồi một lúc sau quên đi, hát lại bản nhạc cũ. Khi nói chuyện, thì cái giọng ông kéo dài ra, ngọt ngào thân thiết, và nghe êm tai lắm. Ông thích làm vừa lòng tất cả mọi người, khi ai cần việc gì mà ông có thể làm được, thì ông sốt sắng đề nghị để ông giúp, không cần phải nói lời yêu cầu. Bởi thế, mà mỗi sáng, khi mới vào sở, thì có người kêu điện thoại cho ông ngay. Đó là những người bạn gái, quen biết thân tình hơn cái tình bạn bình thường. Họ chấp nhận giao thiệp lén lút với ông vì biết ông có vợ, có con, và không bao giờ hy sinh gia đình cho cái bấp bênh bên ngoài. Một hôm, ông Mark bị ngã sắp lên bàn, tưởng ông mệt ngủ gục. Ông Bill đến sau lưng chụp hai vai, hét một tiếng, để ông Mark giật mình chơi. Thì khám phá ra ông Mark bị “đón máu cơ tim”. Đưa vào bệnh viện, bác sĩ phải lấy tĩnh mạch ở chân, nối cho hai đường mạch máu thông qua tim. Sau mấy tháng nằm nhà, ông Mark trở lại sở, đầu cạo trọc lóc, đi lết lết trông tội nghiệp lắm. Nhưng vẫn hát hò luôn mồm, dù cho giọng yếu ớt. Thấy cái yêu đời của ông, tôi tự nhủ mình phải ráng học. Chỉ sáu tháng sau, ông đi đứng bình thường, lại ăn uống lu bù, không kiêng cử gì. Ngoài trừ những miếng thịt bò hồng hào rướm máu, không còn thấy trên bàn ông trong buổi ăn trưa. Mấy năm sau, ông Mark hoàn toàn như người bình thường, không có vết gì của một người nghẽn mạch máu tim.

Sau mười mấy năm làm chung với một nhóm dị nhân, có lẽ tôi cũng thành một thứ dị nhân nào đó mà tự mình không thấy được. Có thể, tôi cũng học được nhiều điều hay, dở với những bạn đồng nghiệp. Cái hay thì từ từ hấp thụ, cái dở thì biết và tự nhủ mình nên tránh. Nhờ đó, mà tôi có quan niệm chín chắn và lạc quan hơn. Để tìm cho mình được cái hạnh phúc đơn giản của cuộc sống. Đồng thời tạo được cho mình cái không khí cởi mở, để

dàng, không có gì là quan trọng quá đáng để phải lo lắng, bận tâm. Bây giờ, hai ông bạn về với Thiên Chúa, an bình, vĩnh cửu, không còn vui buồn, hờn giận, âu lo, nợ nần. Một ông trôi dạt về Nam Mỹ, ở đó, làm lại cuộc sống mới có nhiều hạnh phúc, nhiều niềm an ủi trong tuổi già hưu trí. Phần ông Bill được chuyển về một cơ sở gần nhà hơn, mỗi ngày khỏi phải lặn lội đường sá xa xôi, khỏi phải đi khuya về tối. Ông Mark cũng vì lý do sức khỏe mà chuyển ngành, không biết nơi mới ông có còn được tự do ca hát suốt ngày như con chim không. Tôi thì còn ngồi đây, với những kỹ sư trẻ vào thay thế. Họ cũng như tôi mười năm trước, khi mới vào thì bở ngỡ, rụt rè, sau một thời gian thì thành thạo và không biết ngán ai cả. Bao giờ tôi mới được về hưu đây hồi các bạn bè?



NỤ CƯỜI CÔNG CHÍNH

khắc tuổi

Một buổi chiều cuối năm, ông B., giám-đốc một công-ty quốc-doanh mời trưởng phòng D. phụ-trách tổ-chức của công-ty đến làm việc.

Với vẻ mặt nghiêm-trọng, giám-đốc B. nói: -

- Đây anh D., tôi có một việc rất quan-trọng nhờ anh lưu-ý giùm. Tôi vừa đi họp với cấp trên, bị khiển-trách vì công-ty chúng ta làm ăn thua lỗ suốt mấy năm liền. Sang năm mới là năm con cọp, mà tôi lại tuổi con heo, e xui xẻo thêm nữa. Tôi đề-nghị anh điều-động tất cả nhân-viên tuổi cọp và mọi vật liên-hệ đến cọp ra xa tôi, cho bớt xung-khắc. Nhớ không cho chúng ở gần tôi nghe. Anh làm gấp cho tôi ngay đi.

- Giám-đốc yên chí, em chỉ đi một vòng là sắp xếp xong ngay.

Sau ba ngày Tết, giám-đốc B. quần áo chỉnh-tề ngồi ở nhà chờ tài-xế đến đón. Chờ mãi không thấy tài xế lái xe Jaguar màu đen láng bóng đến đón

như mọi khi, giám-đốc B. mất kiên-nhẫn, bèn đi ra cửa. Ngay tại cửa, một người tài-xế già trong một chiếc xe Honda màu đỏ cũ kỹ đã tắt máy ngồi chờ từ bao giờ.

Thấy giám-đốc, người tài xế ra khỏi xe, đứng dậy cung-kính chào và mời giám-đốc lên xe. Tuy ngạc nhiên, nhưng ông B. cũng im lặng bước vào xe, người tài xế đóng cửa xe rồi chậm chạp lái đến sở.

Vừa vào đến văn-phòng, giám-đốc nhận thấy một nữ lao-công già đang dọn dẹp bàn ghế một cách uể oải. Giám-đốc B. chịu đựng chờ hơn 10 phút cho bàn ghế được lau chùi sạch sẽ. Chờ cho người nữ lao-công già đi khỏi, ông B. nhẹ nhàng qua phòng cô thư-ký riêng bên cạnh. Một thiếu-phụ mặc quần áo thêu hoa hồng đang ngồi làm việc quay mặt vào tường, chăm-chú ghi vào sổ nhận công-văn. Giám-đốc B. đi rón rén đến ngay sau lưng thiếu-phụ, rồi lấy hai tay bịt mắt nàng, miệng nói ngọt ngào:

-Cung ăn Tết có vui không? Hôm nay cũng mặc đẹp quá! Anh nhớ cung quá chừng!

Bỗng một tiếng hét nổi lên:

-Ông làm gì kỳ vậy?

Sau tiếng hét, người thiếu-phụ đứng dậy, quay mặt lại nhìn thẳng giám-đốc B. Ông B. cũng hốt-hoảng không kém, vội bước lùi ra phía sau. Nàng không phải là cô M., thư-ký riêng thường ngày, mà là một nữ nhân-viên khác, đã đứng tuổi. Một phút sau, lấy lại được bình-tĩnh và tỏ ra có uy-quyền, giám-đốc B. ra lệnh:

- Chị có biết rành công việc ở đây hay không mà dám thay thế cô M.? Thôi, chị ra gọi anh D. vào đây làm việc với tôi ngay.

Vài phút sau, trưởng phòng D. đến trình-diện, vẻ mặt hân-hoan. Không chờ cho giám-đốc B. mở lời trước, y vội-vã báo-cáo:

- Ông giám-đốc thấy chưa? Em đã thay cả chiếc xe Jaguar, có hình con cọp, để không còn xung khắc với tuổi con heo của ông, rồi cả tài-xế nữa. Ngay cả lao-công, em cũng tìm được người mới. Nhất là thư-ký riêng, cô M. tuổi con cọp, rất kỵ với tuổi ông, lại còn làm việc gần ông nhất, nên em đã điều-động đi xa rồi.

- Anh làm rất tốt. Những người khác kỵ với tôi thì tôi chịu là đúng, còn cô M. thì kỵ nổi gì? Cô ta tuổi cọp thật đấy, nhưng con heo này đâu có sợ con cọp non đó! Con heo này lại còn thích ăn thịt cọp đó mà! Có gì kỵ đâu mà sợ! Cọp cũng có nhiều loại chứ!

